

Án số: 48 /2017/DS-ST

Ngày: 21-8-2017

V/v “*Tranh chấp hợp đồng hộ và
tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Trường Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Ràng.
Bà Bùi Thị Truyền.

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Huỳnh Tường Viên.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa tham gia phiên tòa:
Ông Ngô Bảo Nhật Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2017/TLST-DS ngày 04 tháng 5 năm 2017 về việc “*Tranh chấp hợp đồng hộ và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2017/QĐXX-ST ngày 14/7/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/HPT-ST ngày 01/8/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Phan T. T** – Sinh năm 1970

Cư trú tại: thôn N Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Có mặt.

- *Bị đơn:* Ông **Nguyễn M. T**, bà **Phùng T.N.**

Cư trú tại: tổ dân phố M, phường N Đ, thị xã N, tỉnh Khánh Hòa. Ông T, bà N vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa nguyên đơn bà Phan T. T trình bày:

Bà làm chủ cái huê, hộ tại địa phương, năm 2016 vợ chồng ông Nguyễn M. T, bà Phùng T. N có chơi huê, hộ do bà tổ chức. Vợ chồng T, N chơi 02 loại huê, hộ: Loại 1.000.000đ/12 kỳ đóng/ 01 năm bắt đầu kỳ là ngày 21/4/2016 đến ngày 12/3/2017 là kết thúc đầu huê, hộ và bị đơn đã hót kỳ đầu là 7.960.000đ (trong đó trừ các khoản lãi huê thì bà được hưởng hoa hồng là 400.000đ/người/kỳ hót) và loại 300.000đ/ 12 kỳ đóng/ 06 tháng bắt đầu kỳ là ngày 15/9/2016 đến ngày 26/02/2017 là kết thúc đầu huê, hộ và bị đơn đã hót kỳ đầu là 14.940.000đ (trong đó trừ các khoản lãi huê thì bà được hưởng hoa hồng là 90.000đ/người/kỳ hót x 6 kỳ). Vợ chồng T, N hót đầu tiên loại huê, hộ 1.000.000đ/12 kỳ đóng/ 01 năm và đã đóng 5 kỳ huê, hộ còn nợ lại 6 kỳ chưa đóng là 6.000.000đ. Loại huê, hộ 300.000đ/ 12 kỳ đóng/ 06 tháng thì Vợ chồng T, N chơi 6 đầu hộ mỗi phần 3.600.000đ và hót đầu kỳ, sau khi hót huê, hộ thì đóng được 1 kỳ là 1.800.000đ còn nợ lại 10 kỳ huê chưa đóng là 18.000.000đ.

Ngoài ra vào ngày 21/8/2016, bà N có mượn riêng của bà thêm 1.600.000đ. Do vậy, bà yêu cầu vợ chồng T, N trả số tiền 24.000.000đ một lần và yêu cầu bị đơn bà N phải thanh toán khoản tiền vay là 1.600.000đ một lần. Không yêu cầu tính lãi.

Theo bản tự khai, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải bà Phùng T. N trình bày: Vợ chồng bà có chơi huê của bà T 2 loại huê, họ như lời trình bày của bà T. Bà có hót huê, họ kỳ đầu còn nợ lại huê, họ chưa đóng cả hai loại huê, họ số tiền 24.000.000đ và ngày 21/8/2016 bà có mượn của bà T số tiền 1.600.000đ như bà T đã nêu. Tổng cộng vợ chồng bà còn nợ tiền huê, họ của bà T số tiền 24.000.000đ và bà có mượn riêng của bà T 1.600.000đ là đúng. Nay làm ăn khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết nợ.

Bị đơn ông Nguyễn M. T được triệu tập nhưng vắng mặt nên không lấy được lời trình bày:

Tại phiên tòa, Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát có quan điểm cho rằng yêu cầu bị đơn ông T, bà N có nghĩa vụ thanh toán khoản tiền huê, họ là 24.000.000đ là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự 2015. Về yêu cầu buộc bị đơn bà N phải thanh toán khoản vay 1.600.000đ là có cơ sở nên đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015. Về án phí, bị đơn phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã nhiều lần triệu tập lấy lời khai, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng ông Nguyễn M. T vắng mặt. Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử và tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng bị đơn ông Nguyễn M. T, bà Phùng T. N vắng mặt. Vì vậy, áp dụng Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại đơn khởi kiện, nguyên đơn bà Phan T. T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà Phùng T. N và ông Nguyễn M. T thanh toán khoản tiền huê, họ là 25.600.000đ. Khi thụ lý vụ án, Tòa án đã xác định quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng họ*”. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Phan T. T thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu bị đơn bà Phùng T. N và ông Nguyễn M. T phải trả khoản tiền huê, họ là 24.000.000đ, yêu cầu bị đơn bà Phùng T.N phải thanh toán khoản tiền vay là 1.600.000đ do cá nhân bà N vay.

Do vậy, Hội đồng xét xử xác định đây chính là quan hệ pháp luật “*Tranh chấp hợp đồng hộ và tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Về hợp đồng hộ, vào tháng 4/2016, nguyên đơn bà Phan T. T và bị đơn bà Phùng T. N, ông Nguyễn M. T có thỏa thuận tham gia chơi dây huê, họ do bà T làm chủ dây và đã được bà T, bà Nhân thừa nhận. Việc thỏa thuận chơi huê, họ là hoàn toàn tự nguyện, có sự thỏa thuận của một nhóm người, thời gian, số tiền góp, lĩnh họ và nghĩa vụ đóng huê, họ giữa các thành viên là có thực. Về nội dung và hình thức cơ bản là phù hợp tập quán và với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận việc thỏa thuận chơi huê, họ là hợp pháp. Về hợp đồng vay tài sản ngày 21/8/2016 giữa nguyên đơn bà T và bị đơn bà N thể hiện có khoản tiền vay 1.600.000đ đã được bà T và bà N thừa nhận. Việc thỏa thuận vay tài sản giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, về nội dung và hình thức cơ bản là phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử công nhận việc vay tài sản giữa bà T và bà N là có thực và hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy: Đối với yêu cầu của nguyên đơn bà T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà N và ông T thanh toán khoản tiền huê, họ là 24.000.000đ. Trong đó, loại dây huê, họ 1.000.000đ thì vợ chồng ông T, bà N còn nợ 6 kỳ chưa đóng là 6.000.000đ. Loại dây huê, họ 300.000đ thì có 06 đầu họ mỗi phần 3.600.000đ mỗi kỳ đóng 3.600.000đ còn nợ lại 10 kỳ huê chưa đóng là 18.000.000đ. Đồng thời nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà N phải thanh toán khoản tiền 1.600.000đ đã vay vào ngày 21/8/2016. Tất cả các khoản tiền trên đều phải thanh toán vào một lần cho nguyên đơn. Tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải thì bị đơn bà N thừa nhận vợ chồng bà có chơi huê của bà T 2 loại huê, họ như lời trình bày của bà T. Vợ chồng bà có hót huê, họ trước còn nợ lại số tiền 24.000.000đ. Đối với khoản tiền vay 1.600.000đ bà cũng thừa nhận như nguyên đơn nêu nhưng do làm ăn khó khăn nên bà xin trả dần mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi hết số tiền huê, họ và khoản tiền vay nêu trên. Tại phiên tòa, bị đơn ông Nguyễn M. T, bà Phùng T. N đã được tòa triệu tập để thực hiện quyền và lợi ích hợp pháp của mình nhưng vẫn không có mặt là tự tước bỏ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bà N và ông T thanh toán khoản tiền huê, họ là 24.000.000đ và buộc bị đơn bà N phải trả số tiền 1.600.000đ cho nguyên đơn bà T là có cơ sở để chấp nhận theo quy định tại Điều 471, 463, 466 Bộ luật dân sự.

[4] Về án phí: Căn cứ Nghị quyết án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Bà Phùng T. N, ông Nguyễn M. T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: $24.000.000đ \times 5\% = 1.200.000đ$. Bà Phùng T. N phải nộp thêm án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 1.600.000đ là 80.000đ ($24.000.000đ/2 + 1.600.000đ \times 5\% = 680.000đ$, do bà N đã chịu án phí đối với khoản tiền 24.000.000đ nên bà N phải nộp thêm 80.000đ).

Hoàn lại cho bà Phan T. T tiền tạm án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, 147, 227, 264, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 471, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015.

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Phan T. T:

- Buộc bà Phùng T. N, ông Nguyễn M. T phải trả cho bà Phan T. T 24.000.000đ(Hai mươi bốn triệu đồng).

- Buộc bà Phùng T. N phải trả cho bà Phan T. T 1.600.000đ (Một triệu sáu trăm ngàn đồng).

Quy định chung: Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Kể từ khi bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không thi hành các khoản tiền trên thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của bộ luật dân sự 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

2. Án phí: Bà Phùng T. N., ông Nguyễn M. T phải nộp 1.200.000đ (một triệu hai trăm ngàn năm trăm đồng), bà Phùng T. N phải nộp thêm 80.000đ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho bà Phan T. T 590.000đ tiền tạm án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/00123296 ngày 24/4/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án để yêu cầu tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- THADS thị xã Ninh Hòa
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Lê Trường Hải